

Bản án số: 134/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28/3/2025

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 622/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1991; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; hiện ở Nhật Bản.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

3. Người được bị đơn uỷ quyền giao nhận văn bản đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, nguyên đơn là chị Trần Thị Q và người đại diện theo uỷ quyền là chị Vũ Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã K vào năm 2009. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì chị Q đi Nhật Bản lao động để phát triển kinh tế còn anh T ở Việt Nam chăm lo cho các con. Do vợ chồng sống xa nhau nên sự quan tâm, chia sẻ dần ít đi, mỗi lần gọi điện thì vợ chồng lại xảy ra tranh cãi nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ năm 2023 vợ chồng ít khi liên lạc, thỉnh thoảng chỉ gọi điện thoại hỏi thăm tình hình con cái chứ không quan tâm đến nhau nữa. Hai bên gia đình đã cố gắng hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nhưng không thành. Chị Q xác định vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm phai nhạt, mâu thuẫn không thể hoá giải được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị Q ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là Vũ Hoàng T2 sinh ngày 12/02/2011 và Vũ Hoàng Đ sinh ngày 09/11/2012, hiện đang ở cùng anh T. Do các con chung đều đã lớn nên chị Q tôn trọng nguyện vọng của các con. Nếu các con có nguyện vọng ở với chị Q thì trong thời gian chị Q chưa về Việt Nam thì chị Q uỷ quyền cho anh T và ông bà nội thay chị chăm sóc các con, chi phí chăm sóc chị Q sẽ gửi về hàng tháng. Nếu anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và các con cũng có nguyện vọng được ở với bố thì chị Q cũng đồng ý, tiền cấp dưỡng hai bên sẽ tự thoả thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị Q đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, uỷ quyền cho chị C là người đại diện giải quyết về con chung, tài sản chung. Chị C đồng ý và cam kết thực hiện đúng nội dung uỷ quyền.

Tại biên bản làm việc qua Zalo ngày 16/01/2025, bị đơn là anh Vũ Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã H, thị xã K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Năm 2022 chị Q đi Nhật Bản lao động. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm nhau nhưng khoảng 01 năm trở lại đây chị Q thường xuyên chặn liên lạc với anh T, sau khi chị Q làm đơn xin ly hôn mới thông báo cho anh T biết. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị Q và muốn cùng chị Q nuôi dạy con cái nhưng nếu chị Q kiên quyết ly hôn thì anh T cũng không có cách nào hàn gắn tình cảm gia đình.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Hoàng T2 sinh ngày 12/02/2011 và Vũ Hoàng Đ sinh ngày 09/11/2012, hiện đang ở cùng anh T. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành. Anh T biết việc cấp dưỡng là để đảm bảo quyền lợi của con chung nhưng anh T tự nguyện không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con mà tùy chị Q nhận thức thế nào về trách nhiệm của mình. Nếu được giao nuôi con thì anh

T uỷ quyền cho bà T1 thay anh T chăm sóc các con trong thời gian anh T đi làm xa, chi phí chăm sóc anh T sẽ tự có trách nhiệm gửi cho bà T1.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Anh T trình bày các văn bản của Toà án gửi qua đường bưu điện anh đều được gia đình thông báo nhưng do anh T thường xuyên đi làm xa nên không thể tham gia làm việc tại Toà án được nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Anh T uỷ quyền cho mẹ là bà T1 đại diện anh T giao nhận văn bản với Toà án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị T1 trình bày: Bà là mẹ của anh T. Anh T và chị Q kết hôn năm 2009. Sau khi kết hôn anh T, chị Q chung sống cùng bà, quá trình chung sống bà không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì. Chị Q hiện ở Nhật Bản, anh T ở Việt Nam nhưng thường đi làm xa nên 02 con của anh T, chị Q do bà T1 chăm sóc. Nếu chị Q kiên quyết ly hôn và anh T được giao quyền nuôi con thì tôi đồng ý thay anh T chăm sóc các cháu trong thời gian anh T đi làm xa, chi phí không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh T uỷ quyền cho bà T1 giao nhận văn bản với Toà án thì bà T1 đồng ý, cam kết có trách nhiệm thông báo và gửi văn bản cho anh T. Do đường xá xa xôi đi lại khó khăn, bà T1 không thể tham gia làm việc tại Toà án nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt theo quy định.

Tại phiên tòa:

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Trần Thị Q ly hôn anh Vũ Văn T; giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con; chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Q đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh T. Chị Q, anh T đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị Q hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản của chị Q ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước

ngoài nên công nhận các văn bản này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2022 đến nay chị Q đi Nhật Bản lao động còn anh T ở Việt Nam chăm sóc con cái. Chị Q cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do sống xa nhau, ít quan tâm đến nhau, tình cảm dần lạnh nhạt. Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng từ năm 2023 đến nay chị Q chặn liên lạc với anh T. Xét thấy chị Q và anh T mỗi người ở một quốc gia khác nhau, đã ly thân 03 năm và ít khi liên lạc, hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng không thể kéo dài. Anh T xác định còn tình cảm với chị Q nhưng không có phương án nào để vợ chồng hoà giải đoàn tụ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị Q được ly hôn anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là Vũ Hoàng T2 sinh ngày 12/02/2011 và Vũ Hoàng Đ sinh ngày 09/11/2012, hiện ở với anh T và bà T1. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung thì chị Q cũng đồng ý, các con chung cũng có nguyện vọng được ở với bố. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, có cơ sở chấp nhận giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T đã được Toà án giải thích việc cấp dưỡng là để đảm bảo quyền lợi của con chung nhưng tự nguyện không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận. Anh T thường xuyên đi làm xa nhà, uỷ quyền cho mẹ là bà T1 thay anh chăm sóc các con chung, bà T1 cũng đồng ý nên cần chấp nhận; chi phí chăm sóc bà T1 không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh T đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Q là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, điểm c khoản 2 Điều

478, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Q ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Hoàng T2 sinh ngày 12/02/2011 và Vũ Hoàng Đ sinh ngày 09/11/2012 cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cho bà Hoàng Thị T1 chăm sóc thay trong thời gian anh T đi làm xa nhà. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn T về việc không yêu cầu chị Trần Thị Q cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do chị Vũ Thị C nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 22/11/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005359; chị Q đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng